

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

Kính thưa quý cổ đông!

Thay mặt Ban giám đốc Công ty, Tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

I. Tình hình chung:

Trong năm 2023 Công ty không có việc làm, Công việc quyết toán các hạng mục tồn đọng vẫn chưa thực hiện được nên Công ty rất khó khăn về tài chính. Hiện nay, tất cả CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc, chỉ duy trì một ít người để giải quyết việc quyết toán các hạng mục với TKV, các công việc nội bộ và trông coi bảo vệ tài sản của Công ty.

*** Thuận lợi:**

- Với sự nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của Ban giám đốc và sự đoàn kết, đồng thuận luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao của toàn thể các CBCNV Công ty.

- Với năng lực của Công ty đã có như kinh nghiệm thi công các công trình, bộ máy nhân sự có trình độ, máy móc thiết bị tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty triển khai tốt tại các dự án và tham gia đấu thầu tại các dự án mới.

*** Khó khăn:**

- Công tác nghiệm thu thanh toán để thu hồi vốn các hạng mục công trình dở dang bị chậm vì phải thực hiện quyết toán theo kết luận của kiểm toán nhà nước.

- Khó khăn lớn nhất của Công ty là thiếu việc làm và chưa có thêm được việc mới trong thị trường 02 dự án Nhân Cơ và Tân Rai.

Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm | Thực hiện | So sánh với kế hoạch năm |
|-----|----------------------------|-------------|--------------|-----------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 205 | 1.170 | 570,88% |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 1.308 | 2.064 | 157,81% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 4 | Thuế TNDN | Tr.đồng | | | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH | % | -2,21% | -1,79% | 81,04% |

(Chi tiết xem báo cáo tài chính năm 2023)

Đánh giá chung:

Trong năm 2023, Công ty không có việc làm, trong khi đó, chi phí cố định hàng tháng (Chi phí QLDN) vẫn phải phát sinh dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ nên Công ty không bảo toàn được vốn cho các cổ đông

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty vẫn chưa có việc làm, công việc quyết toán các hạng mục thi công tồn đọng vẫn chưa thực hiện xong. Do Công ty không có việc làm nên CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc, chỉ duy trì một ít người để giải quyết việc quyết toán các hạng mục với TKV, các công việc nội bộ và trông coi bảo vệ tài sản của Công ty.

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì phải có việc làm lúc đó mới tạo ra doanh thu. Một số chi phí cố định vẫn phải phát sinh hàng tháng. Do vậy, nếu không có doanh thu sẽ dẫn đến nguy cơ mất vốn của chủ sở hữu. Mặt khác, Công việc thực hiện quyết toán các hạng mục thi công ngoài hàng rào của 02 dự án Nhân Cơ và Tân Rai theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (quyết toán theo hình thức thực thanh, thực chi) sẽ không triển khai thực hiện tiếp được.

1. Một số chỉ tiêu SXKD năm 2024

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2024 |
|------------|-------------------------|--------------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 390 |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 1.199 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -809 |
| 4 | Thuế TNDN | Tr.đồng | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -809 |

2. Các Dự án Sản xuất :

- Cùng CMH VIETNAM phát triển các thị trường mới với các đối tác của CMH VIETNAM trong nước để trực tiếp triển khai 1 số hạng mục được CMH VIETNAM giao.
- Tiếp tục phối hợp với TKV để tìm kiếm việc làm tại Nhân Cơ và Tân Rai

3. Tìm kiếm thị trường :

- Tích cực tìm kiếm dự án mới để đảm bảo ổn định sản xuất và phát triển Công ty.

4. Công tác nhân sự :

Hiện tại Công ty không có việc làm nên tất cả CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc, chỉ có một số bảo vệ ở lại để trông coi tài sản của Công ty.

6. Đầu tư, Thanh lý Tài sản :

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2024 và cho các năm tiếp theo Công ty sẽ đầu tư thêm một số máy móc thiết bị để phục vụ thi công đồng thời thanh lý một số máy móc thiết bị cũ và

không phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty, và sẽ trình Hội đồng quản trị theo từng phương án cụ thể.

7. Công tác An toàn Lao động

Công tác An toàn lao động vẫn được đặt lên hàng đầu, bảo hộ lao động phải trang bị đầy đủ, toàn bộ người lao động phải được huấn luyện ATLD trước khi làm việc, thường xuyên phổ biến nhắc nhở về An toàn, giám sát chặt chẽ công tác An toàn lao động trong tất cả các dự án mà Công ty đang triển khai.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

- Công ty sẽ phải kiện toàn lại toàn bộ nhân sự, xúc lại tinh thần làm việc của Cán bộ công nhân viên Công ty.

- Hiện nay, tất cả máy móc thiết bị của Công ty đã hết khấu hao và hầu như đã cũ và hư hỏng nhiều. Chi phí sửa chữa trong quá trình thi công khá cao nên không mang lại hiệu quả của thiết bị. Mặt khác, các máy móc thiết bị không cho thuê được vì không phù hợp với điều kiện thi công hiện tại nên gây ra sự lãng phí về hiệu quả sử dụng thiết bị. Do vậy, Công ty sẽ thanh lý các thiết bị không mang lại hiệu quả để thu hồi vốn.

- Cùng với HĐQT tích cực tìm kiếm từ 1 đến 2 dự án để duy trì hoạt động của công ty, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của Tập đoàn TKV đối với công ty liên kết để tham gia đấu thầu các công việc thuê ngoài của Tập đoàn.

- Phối hợp với các Ban QLDA của Tập đoàn (Chủ đầu tư) hoàn thiện hồ sơ quyết toán các công trình của công ty thực hiện trước thời điểm cổ phần trên nguyên tắc đảm bảo giá trị vốn Chủ sở hữu của Công ty trước khi Tập đoàn chào bán cổ phần lần đầu.

- Trong trường hợp không kiếm được dự án nào trong thời gian trên, công ty sẽ xây dựng phương án, giải pháp thực hiện để bảo toàn vốn của các cổ đông.

- Hiện nay tình hình tài chính Công ty rất khó khăn, các hạng mục thi công xong liên quan đến TKV vẫn chưa được thanh quyết toán nên không thu hồi được vốn dẫn đến Công ty không có dòng tiền để duy trì hoạt động SXKD

IV KIẾN NGHỊ

1. Đối với Hội Đồng quản trị : Mong muốn nhận được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và hỗ trợ Công ty nhiều hơn về mặt thị trường, đồng thời hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty giải quyết các tồn tại về sản lượng dở dang tại các dự án mà TKV là Chủ đầu tư.

2. Đối với TKV:

- Tạo điều kiện cho Công ty tham gia đấu thầu các gói thầu tại 2 dự án Tân Rai, Nhân Cơ và các dự án của TKV đầu tư, phù hợp với năng lực hiện có của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường. Hỗ trợ về giải quyết các thủ tục thanh quyết toán các dự án mà Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ký với TKV và đã thi công hoàn thành .

3. Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Vietnam:

- Hỗ trợ cho Công ty về công tác thị trường, tạo điều kiện cho Công ty tham gia 1 phần công việc tại các dự án mà CMH VIETNAM thi công.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2024. Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường xem xét, thông qua.

**TMBAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Trung

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: Quý vị Cổ đông.

Hôm nay, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, tôi xin báo cáo về kết quả hoạt động SXKD trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động trong năm 2024:

1. Tổ chức của Hội đồng quản trị:

- Ông Phạm Tuấn Ngọc Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Minh Phúc Phó chủ tịch HĐQT
- Ông Kim Ngọc Nhân Thành viên HĐQT
- Ông Trần Văn Trung Thành viên HĐQT
- Ông Ngô Khánh Toàn Thành viên HĐQT

2. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2023:

Từ khi Cổ phần hóa (Tháng 12/2015) cho đến hết năm 2020 ngoài công việc khai thác quặng bauxite nguyên khai tại mỏ Tân Rai – Lâm Đồng, Công ty đã không được lựa chọn để thực hiện thêm hạng mục công việc mới nào tại 02 dự án Nhân Cơ và Tân Rai.

Trong suốt thời gian này, Các phòng ban của công ty dành phần lớn thời gian để phục vụ yêu cầu quyết toán của Chủ đầu tư đối với các hợp đồng đã thực hiện trong thời gian trước khi Cổ phần hóa, tuy nhiên đã 8 năm trôi qua, công việc này vẫn chưa hoàn thành.

Trong năm 2023 Công ty không có việc làm nên tất cả CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc, chỉ duy trì 1 tổ quyết toán để phối hợp với các Ban Quản lý thuộc TKV làm hồ sơ quyết toán các hợp đồng đã thực hiện từ trước cổ phần hóa.

3. Kết quả SXKD năm 2023:

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm | Thực hiện | So sánh với kế hoạch năm |
|-----|-----------------------------------|-------------|--------------|-----------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 205 | 1.170 | 570,88% |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 1.308 | 2.064 | 157,81% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 4 | Thuế TNDN | Tr.đồng | | | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế/vốn Chủ sở hữu | % | -2,21% | -1,79% | 81,04% |

4. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên 2023, được thể hiện như sau:

a) Công tác xây dựng cơ cấu tổ chức và Nhân sự:

Ổn định tổ chức Công ty theo mô hình Công ty Cổ phần đảm bảo tính linh hoạt và hoạt động hiệu quả; góp phần ổn định tổ chức và lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất năm 2023.

HĐQT đã tổ chức họp linh hoạt đảm bảo thống nhất và đã có các Nghị quyết lãnh đạo cơ quan Điều hành thực hiện NQ của Đại hội đồng Cổ đông năm 2023.

b) Về chiến lược phát triển lâu dài và nhiệm vụ trước mắt của Công ty:

Hội đồng quản trị cùng với Ban giám đốc Công ty vẫn đang nỗ lực tìm kiếm công việc mới nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

Chỉ đạo cơ quan điều hành xây dựng kế hoạch SXKD của công ty năm 2024 trên cơ sở các thị trường truyền thống trong TKV và các thị trường ngoài TKV.

c) Hoạt động điều hành:

Tiếp tục chỉ đạo lãnh đạo điều hành tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục thi công theo hình thức tự thực hiện tại hai dự án Nhân Cơ và Tân Rai theo kết luận của kiểm toán nhà nước để thu hồi vốn.

Mối quan hệ giữa HĐQT và Giám đốc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD đảm bảo đúng theo quy định và trên cơ sở năng lực của các Thành viên HĐQT đã tạo điều kiện tốt cho cơ quan Điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

d) Hoạt động giám sát:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Hội đồng quản trị đã tiến hành hoạt động giám sát theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của đại hội cổ đông. Trong năm không nhận được kiến nghị nào của Cổ đông và người lao động.

e) Công tác nhân sự của HĐQT

Trong năm 2023 không có sự thay đổi nào về nhân sự trong Hội đồng quản trị

C. Tồn tại:

Công tác chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển của Công ty chưa làm được

Chỉ đạo công tác quyết toán các hạng mục tồn đọng chưa được như mong muốn

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Hiện tại Công ty không có việc làm nên tất cả CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc.

3.1. Các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2024

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2024 |
|-----|----------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 390 |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 1.199 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -809 |
| 4 | Thuế TNDN | Tr.đồng | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -809 |

3.2. Nhiệm vụ, kế hoạch của HĐQT năm 2024:

Năm 2024 Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ của mình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội và tổ chức thực hiện nghị quyết của đại hội theo quy định của Điều lệ; cụ thể HĐQT xác định phương hướng hoạt động và các giải pháp trong năm 2024 như sau:

- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Chỉ đạo cụ thể hóa triển khai thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
- Chỉ đạo XD phê duyệt và giám sát thực hiện các quy chế quản lý của Công ty.
- Chỉ đạo Công tác nghiệm thu thu hồi vốn và thu xếp vốn khác khi SX có nhu cầu.
- Tiếp tục tổ chức tìm kiếm việc làm, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của TKV đối với công ty liên kết để tham gia đấu thầu các công việc thuê ngoài của Tập đoàn.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của HĐQT theo quy định của điều lệ.

3.3. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc hiện nay.

Đánh giá thực trạng về những tài sản không hiệu quả của Công ty, kế hoạch thanh lý và đầu tư tài sản đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Giải quyết những vướng mắc, tồn tại từ Công ty cũ trước giai đoạn cổ phần hóa.

Tình hình thực hiện của TKV về chào bán cổ phần còn lại ra công chúng.

4. Đánh giá chung:

Trong năm 2023 HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật, Mọi quan hệ giữa HĐQT và Giám đốc trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD đảm bảo đúng theo quy định và trên cơ sở năng lực của các Thành viên HĐQT đã tạo điều kiện tốt cho cơ quan Điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đã tổ chức thực hiện giám sát, quản lý theo mục tiêu mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các Cổ đông.

Năm 2024, HĐQT cùng Ban điều hành của Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa để tiếp tục nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty, tập trung chỉ đạo để đẩy nhanh công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công hoàn thành, tìm kiếm công việc mới mở rộng thị trường. Thực hiện bảo toàn vốn, đạt kế hoạch lợi nhuận và lo đủ công ăn việc làm cho toàn thể CBCNV trong công ty.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn các quý cổ đông, các đối tác đã tin tưởng và gắn bó cùng Công ty trong những năm vừa qua.

Kính chúc sức khỏe đến các quý vị đại biểu, quý cổ đông của Công ty.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu: VT; Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc

Đăk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và điều lệ sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021. Kế toán trưởng Công ty báo cáo một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu thực hiện năm 2023 trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

1. Hình thức sở hữu vốn và huy động vốn:

Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Xây lắp Môi trường Nhân Cơ – TKV theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp ngày 02/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng, theo cơ cấu vốn điều lệ như sau:

| Stt | Tên tổ chức, cá nhân | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|---|------------------|----------------|
| 1. | Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam | 1.500.000 | 30,00% |
| 2. | Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH VIETNAM | 3.421.900 | 68,44% |
| 3. | Cán bộ công nhân viên trong Công ty | 78.100 | 1,56% |
| | Tổng cộng | 5.000.000 | 100,00% |

2. Các chế độ chính sách áp dụng tại Công ty:

2.1. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.5. Các khoản nợ phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 10 năm
- Máy móc thiết bị: 08 – 10 năm
- Phương tiện vận tải: 08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 04 – 05 năm

Hiện nay, tất cả các tài sản của Công ty đều đã hết khấu hao

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hoạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

2.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT): Hàng hoá, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế Giá trị gia tăng theo mức thuế là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN): Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu :

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Năm 2023 |
|------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| 1. | Tài sản- nguồn vốn | | |
| 1.1 | Tổng tài sản | đồng | 79.112.830.095 |
| - | Tài sản ngắn hạn | " | 79.112.830.095 |
| - | Tài sản dài hạn | " | 0 |
| 1.2 | Tổng nguồn vốn | " | 79.112.830.095 |
| - | Nợ phải trả | " | 21.718.524.419 |

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Năm 2023 |
|-----------|-----------------------------------|---------------|----------------|
| - | Vốn đầu tư chủ sở hữu | " | 50.000.000.000 |
| - | Quỹ đầu tư phát triển | " | 506.801.386 |
| - | Lợi nhuận chưa phân phối | " | 6.887.504.290 |
| 2. | Lao động và tiền lương | | |
| + | Tiền lương | đồng | 908.950.992 |
| - | Lương Ban lãnh đạo | đồng | 512.364.000 |
| - | Lương người lao động | đồng | 396.586.992 |
| + | Số lao động bình quân | người | 6 |
| | Trong đó : - Ban Lãnh đạo | " | 2 |
| | - Người lao động | " | 4 |
| + | Tiền lương NLD bình quân/tháng | đ/người/tháng | 8.262.229 |
| 3. | Một số chỉ tiêu khác | | |
| + | Lợi nhuận sau thuế/vốn Chủ sở hữu | % | -1,79% |
| + | Nợ phải trả /vốn chủ sở hữu | lần | 0,43 |
| + | Định mức vốn lưu động | Tr.đồng | 57.394 |
| + | Hệ số thanh toán hiện thời | lần | 3,64 |
| + | Hệ số bảo toàn vốn | | 0,98 |

4. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023.

| TÀI SẢN | | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | | 2 | 4 | 5 |
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+150) | 100 | 79.112.830.095 | 80.041.413.099 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 154.480.323 | 205.501.621 |
| 1 | Tiền | 111 | 154.480.323 | 205.501.621 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 | 0 | 0 |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 0 | 0 |
| 1 | Chứng khoán kinh doanh | 121 | 0 | 0 |
| 2 | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) | 122 | | |
| 3 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 0 | 0 |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 63.218.680.108 | 63.773.422.254 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 63.223.821.193 | 63.678.087.212 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | 0 | 0 |

| TÀI SẢN | | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| 4 | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD | 134 | | 0 |
| 5 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 0 | |
| 6 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 297.521.770 | 378.197.897 |
| 7 | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 137 | -332.662.855 | -312.862.855 |
| 8 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 0 | 0 |
| IV | Hàng tồn kho | 140 | 15.735.697.785 | 16.057.395.240 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | 15.735.697.785 | 16.057.395.240 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | 0 | 0 |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.971.879 | 5.093.984 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 3.971.879 | 1.634.162 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 0 | 0 |
| 3 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 0 | 3.459.822 |
| 4 | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | 0 | 0 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 0 | 0 |
| II | Tài sản cố định | 220 | 0 | 0 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 0 | 0 |
| | - Nguyên giá | 222 | 107.241.975.420 | 107.241.975.420 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | -107.241.975.420 | -107.241.975.420 |
| III | Bất động sản đầu tư | 230 | 0 | 0 |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 0 | 0 |
| 1 | Chi phí SXKD dở dang dài hạn | 241 | | |
| 2 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 0 | 0 |
| V | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 0 |
| VI | Tài sản dài hạn khác | 260 | 0 | 0 |
| | TỔNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | 79.112.830.095 | 80.041.413.099 |

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|-----------|--------------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|
| A | NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | 21.718.524.419 | 21.753.206.262 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 | 21.718.524.419 | 21.753.206.262 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17.123.786.556 | 17.204.700.156 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 0 | 0 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 45.388.244 | 8.732.050 |
| 4 | Phải trả người lao động | 314 | 62.637.000 | 112.337.000 |

| TÀI SẢN | | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|-----------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 60.000.000 | 60.000.000 |
| 6 | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | 0 | 0 |
| 7 | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD | 317 | | 0 |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 29.347.826 | 24.456.522 |
| 9 | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 442.660.402 | 388.276.143 |
| 10 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 0 | |
| 11 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 0 | |
| 12 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 3.954.704.391 | 3.954.704.391 |
| 13 | Quỹ bình ổn giá | 323 | | |
| 14 | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | |
| II | Nợ dài hạn | 330 | 0 | 0 |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 57.394.305.676 | 58.288.206.837 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 57.394.305.676 | 58.288.206.837 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 0 | 0 |
| 3 | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | |
| 4 | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 0 | 0 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | |
| 6 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | 0 | |
| 7 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | 0 | 0 |
| 8 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 506.801.386 | 506.801.386 |
| 9 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | 0 | 0 |
| 10 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 0 | 0 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 6.887.504.290 | 7.781.405.451 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 7.781.405.451 | 8.671.020.928 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | -893.901.161 | -889.615.477 |
| 12 | Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | 0 | 0 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 0 | 0 |
| 1 | Nguồn kinh phí | 431 | | |
| 2 | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | 0 | 0 |
| | TỔNG NGUỒN VỐN (440+300+400) | 440 | 79.112.830.095 | 80.041.413.099 |

5. Kết quả kinh doanh năm 2023

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 1.169.914.605 | 14.344.919.807 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 1.169.914.605 | 14.344.919.807 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 570.955.423 | 14.047.610.780 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | 598.959.182 | 297.309.027 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 380.807 | 7.147.554 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 0 | 0 |
| - Trong đó chi phí lãi vay | 23 | 0 | 0 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 1.493.147.714 | 1.180.822.443 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD ((30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | -893.807.725 | -876.365.862 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 0 | 22.727.273 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 93.436 | 35.976.888 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | -93.436 | -13.249.615 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | -893.901.161 | -889.615.477 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 0 | 0 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | -893.901.161 | -889.615.477 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*) | 71 | | |

Trên đây là báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Quốc Sơn

Đăk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: - Các quý vị cổ đông Công ty;

Thực hiện Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát (BKS) tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và điều lệ sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty thường niên 2024, nội dung chủ yếu sau:

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT), Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường năm 2023 ;
- Tính đầy đủ hợp lý, hợp pháp, trung thực của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường niên độ từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;
- Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, cũng như của từng thành viên Ban kiểm soát Công ty trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

I. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.

1. Hoạt động của HDQT, giám đốc Công ty:

HDQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết, trên cơ sở đó Giám đốc điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của HDQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

Thông qua các tài liệu của HDQT, Ban điều hành Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C; Ban kiểm soát Công ty đánh giá nhận xét cụ thể:

- Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, trong điều kiện cơ chế quản lý của Nhà nước đẩy mạnh quản lý công tác đầu tư, đấu thầu ngày càng chặt chẽ, xuất hiện nhiều rào cản đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước trong việc thực hiện cơ chế để tổ chức sản xuất kinh doanh; Công ty cổ phần Xây lắp Môi trường năm 2020 bị tác động không nhỏ trong việc tìm kiếm việc làm, thanh toán giá trị còn tồn đọng từ những năm trước.

- Giám đốc và tập thể lãnh Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, với tinh thần trách nhiệm cao;

- Trong năm 2023 Công ty không có việc làm nên tất cả CBCNV của Công ty phải nghỉ để chờ việc, chỉ duy trì 1 tổ quyết toán để phối hợp với các Ban Quản lý thuộc TKV làm hồ sơ quyết toán các hợp đồng đã thực hiện từ trước cổ phần hóa.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023:

| Stt | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm | Thực hiện | So sánh với kế hoạch năm |
|-----|-----------------------------------|-------------|--------------|-----------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 205 | 1.170 | 570,88% |
| 2 | Chi phí | Tr.đồng | 1.308 | 2.064 | 157,81% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 4 | Thuế TNDN | Tr.đồng | | | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | -1.103 | -894 | 81,04% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế/vốn Chủ sở hữu | % | -2,21% | -1,79% | 81,04% |

II. Tính đầy đủ hợp lý, hợp pháp, trung thực của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường niên độ từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;

Ban kiểm soát định kỳ hàng quý và kết thúc năm đã xem xét và làm việc với Công ty về báo cáo tài chính hàng quý của Công ty; Riêng báo cáo tài chính năm 2023, Ban kiểm soát xem xét trên cơ sở báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C; Kết quả số liệu tài chính tổng hợp đến 31/12/2023 như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | Số đầu năm | Số cuối kỳ |
|--|------------------|-----------------------|-----------------------|
| A. Tổng tài sản | | 80.041.413.099 | 79.112.830.095 |
| I. Tài sản ngắn hạn | 100-BCĐKT | 80.041.413.099 | 79.112.830.095 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110-BCĐKT | 205.501.621 | 154.480.323 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120-BCĐKT | 0 | 0 |
| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130-BCĐKT | 63.773.422.254 | 63.218.680.108 |
| Trong đó: Nợ phải thu khó đòi | | | |
| 4. Hàng tồn kho | 140-BCĐKT | 16.057.395.240 | 15.735.697.785 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 150-BCĐKT | 5.093.984 | 3.971.879 |
| II. Tài sản cố định | 220-BCĐKT | 0 | 0 |
| - Tài sản cố định hữu hình | 221-BCĐKT | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 222-BCĐKT | 107.241.975.420 | 107.241.975.420 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223-BCĐKT | -107.241.975.420 | -107.241.975.420 |
| - Tài sản cố định thuê tài chính | 224-BCĐKT | 0 | 0 |
| - Tài sản cố định vô hình | 227-BCĐKT | 0 | 0 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230-BCĐKT | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240-BCĐKT | 0 | 0 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250-BCĐKT | 0 | 0 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260-BCĐKT | 0 | 0 |

| Chỉ tiêu | Mã số | Số đầu năm | Số cuối kỳ |
|--|------------------|-----------------------|------------------------|
| B. Tổng nguồn vốn | | 80.041.413.099 | 79.112.830.095 |
| I. Nợ phải trả | 300-BCĐKT | 21.753.206.262 | 21.718.524.419 |
| 1. Nợ ngắn hạn | 310-BCĐKT | 21.753.206.262 | 21.718.524.419 |
| Trong đó: Nợ quá hạn | | | |
| 2. Nợ dài hạn | 330-BCĐKT | 0 | 0 |
| II. Nguồn vốn chủ sở hữu | 400-BCĐKT | 58.288.206.837 | 57.394.305.676 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411-BCĐKT | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418-BCĐKT | 506.801.386 | 506.801.386 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421-BCĐKT | 7.781.405.451 | 6.887.504.290 |
| 4. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430-BCĐKT | 0 | 0 |
| C. Kết quả kinh doanh | | | <u>Năm 2023</u> |
| 1. Tổng doanh thu | | | 1.170.295.412 |
| - Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | 10-BCKQKD | | 1.169.914.605 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | 21-BCKQKD | | 380.807 |
| - Thu nhập khác | 31-BCKQKD | | |
| 2. Tổng chi phí | | | 2.064.196.573 |
| 3. Tổng lợi nhuận trước thuế | 50-BCKQKD | | -893.901.161 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | 60-BCKQKD | | -893.901.161 |
| D. Chỉ tiêu khác | | | |
| 1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách | đồng | | 66.254.204 |
| Trong đó: các loại thuế | | | |
| 2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu | .% | | -1,56% |
| 3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Lần) | lần | | 0,38 |
| 3. Tiền lương - Lao động | | | |
| + Tiền lương | đồng | | 908.950.992 |
| - Lương Ban lãnh đạo | đồng | | 512.364.000 |
| - Lương người lao động | đồng | | 371.090.325 |
| - Lương khoán thuê ngoài | đồng | | 25.496.667 |
| + Số lao động bình quân | người | | 6 |
| Trong đó : - Ban Lãnh đạo | " | | 2 |
| - Người lao động | " | | 4 |
| + Tiền lương NLD bình quân/tháng | đ/người/tháng | | 8.262.229 |

Nhận xét:

Năm 2023 Công ty thực hiện Nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu thực hiện 0,38 lần, năm trước hệ số nợ 0,37 lần → Công ty đang ở trong giai đoạn an toàn về nợ khách hàng.

Tỷ số lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu năm 2023 là -1,56% do công ty bị lỗ

Nợ phải thu cuối năm 2023: 63.218 triệu đồng, chủ yếu là nợ phải thu khách hàng.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả ược đối chiếu xác định nợ của khách hàng; số liệu báo cáo tại thời điểm 31/12/2023 của Công ty được đảm bảo, tin cậy. Nguồn vốn được đảm bảo phục vụ kinh doanh và đầu tư; bảo toàn và phát triển vốn của các Cổ đông.

III. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên năm 2023:

Năm 2023 có sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông; Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công việc của Ban theo chức trách nhiệm vụ trong Điều lệ Công ty quy định.

Căn cứ kế hoạch của BKS, trên cơ sở phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BKS;

Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch làm việc theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Ban;

Các thành viên trong Ban hoạt động mang tính chất kiêm nhiệm; Song mọi thành viên trong Ban đã luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của Cổ đông giao, bám sát hoạt động của Công ty trong năm.

Về chi phí hoạt động của BKS: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 về chi phụ cấp cho Trưởng ban kiểm soát và các thành viên 1 triệu đồng/người/tháng;

Mức trả phụ cấp cho các thành viên BKS phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2023.

Trên đây là những nội dung chủ yếu Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất năm 2023 của Công ty; Giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty; hoạt động của BKS, và các thành viên BKS Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường báo cáo, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét thông qua ./

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c);
- Các thành viên HĐQT; BKS
- Lưu thư ký HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT.
Trưởng Ban

Đinh Thị Thủy

Số: 04/2024/Tr-BKS-VCE

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/11/2015 và điều lệ sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021;

Qua quá trình tìm hiểu và xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết. Ban Kiểm soát giới thiệu và lựa chọn 02 doanh nghiệp kiểm toán độc lập đủ tư cách kiểm toán cho các tổ chức niêm yết gồm:

| Stt | Tên Công ty kiểm toán | Địa chỉ liên hệ |
|-----|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn tài chính Kế toán AFC | 4 Nguyễn Đình Chiểu, Đa Kao, Quận 1, TP.HCM |
| 2 | Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C | 40 Giảng Võ, Quận Đống Đa, Hà Nội |

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn một trong hai Công ty kiểm toán độc lập như trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS, VT.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đinh Thị Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**
Số: 03/2024/Tr-HĐQT-VCE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua báo cáo tài chính 2023; Báo cáo HĐQT năm 2023;
Báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường.

Căn cứ báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Căn cứ báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2023 và kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2024.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Thông qua nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2023 & kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024
- Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
- Báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo được đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS;VP

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 02/2024/Tr-HĐQT-VCE

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023
và phương án chi trả thù lao năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường và điều lệ sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021.

Căn cứ vào Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và phương hướng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán chi trả thù lao năm 2023 và phương án chi trả thù lao năm 2024 cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát như sau:

I. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023:

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ngày 27/04/2023 biểu quyết thông qua phương án chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

Căn cứ mức chi trả thực tế thù lao cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát.

Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

| Stt | Chức danh | Số người | Số tháng | Kế hoạch | | Thực hiện | Tỷ lệ |
|-----------|----------------------|----------|----------|-------------------|------------------|------------|---------|
| | | | | Mức thù lao tháng | Tổng mức thù lao | | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 12 | 1.000.000 | 12.000.000 | 12.000.000 | 100,00% |
| 2 | Thành viên HĐQT; BKS | 7 | 12 | 1.000.000 | 84.000.000 | 84.000.000 | 100,00% |
| Tổng cộng | | | | | 96.000.000 | 96.000.000 | 100,00% |

II. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024:

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị chi trả mức thù lao cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát như sau:

| Stt | Chức danh | Số người | Số tháng | Mức thù lao tháng | Tổng mức thù lao | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------|----------|----------|-------------------|-------------------|---------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 12 | 1.000.000 | 12.000.000 | |
| 2 | Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát | 7 | 12 | 1.000.000 | 84.000.000 | |
| Tổng cộng | | | | | 96.000.000 | |

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS, VP

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc

Số: 01/2024/Tr-HĐQT-VCE

Đắk Nông, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH
V/v Phương án phân phối lợi nhuận 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/11/2015 và điều lệ sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2021;

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2023 như sau:

| Nội dung | Số tiền (đồng) |
|---|----------------|
| - Lợi nhuận để lại chuyển sang năm 2023 (theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 27/04/2023) | 7.781.405.451 |
| - Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2023 (theo báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán) | -893.901.161 |
| - Tổng lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 | 6.887.504.290 |
| - Cổ tức dự kiến chia cho các cổ đông 0% (trên vốn 50 tỷ đồng) | |
| - Lợi nhuận để lại chuyển sang năm 2024 | 6.887.504.290 |

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Ngọc